

Số: 143/2003/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 143/2003/NĐ-CP NGÀY 28 THÁNG 11 NĂM 2003 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA PHÁP LỆNH KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;
Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; khung mức phí xả nước thải vào công trình thủy lợi; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi Chính phủ có quy định riêng.

Điều 2.

1. Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi hoạt động công ích và hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Nghị định này, Luật Doanh nghiệp Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2. Tổ chức hợp tác dùng nước khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi hoạt động theo quy định của Nghị định này, Bộ luật Dân sự, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật.

Điều 3. Việc khai thác, sử dụng tổng hợp công trình thủy lợi quy định tại khoản 5 Điều 3 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được quy định cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi được khai thác, sử dụng tổng hợp để phục vụ cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, khai khoáng, phát điện, giao thông vận tải, nuôi trồng thủy, hải sản, sản xuất muối, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học và các mục đích khác;

2. Việc khai thác, sử dụng tổng hợp công trình thủy lợi phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan;

3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm dịch vụ khai thác, sử dụng công trình thủy lợi cho các mục đích nêu tại khoản 1 Điều này phải ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý công trình thủy lợi đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Điều 4. Tiêu chuẩn công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi quan trọng quốc gia theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bao gồm:

1. Hồ chứa nước có dung tích lớn hơn 1.000.000.000 m³ (một tỷ mét khối);
2. Hồ chứa nước có dung tích từ 1.000.000 m³ (một triệu mét khối) đến 1.000.000.000 m³ (một tỷ mét khối) nhưng nằm ở địa bàn dân cư tập trung và địa bàn có công trình quốc phòng, an ninh.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Danh mục hồ chứa nước quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Nhà nước ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, phòng, chống lũ, lụt, hạn hán; đổi mới khoa học công nghệ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Chương 2:

KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 6. Việc giao công trình thủy lợi cho Tổ chức hợp tác dùng nước, cá nhân theo quy định tại Điều 10 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

1. Xác định đúng giá trị tài sản tại thời điểm chuyển giao;
2. Việc quản lý khai thác và bảo vệ phải thực hiện theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
3. Phải có cán bộ phụ trách kỹ thuật có chứng chỉ về nghiệp vụ thủy lợi do cơ sở đào tạo thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp hoặc bằng tốt nghiệp từ trung học chuyên nghiệp (ngành thủy lợi) trở lên;
4. Trường hợp là cá nhân thì phải thành lập doanh nghiệp tư nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định cụ thể việc giao công trình thủy lợi cho Tổ chức hợp tác dùng nước hoặc cá nhân quản lý, khai thác và bảo vệ.

Điều 7. Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi ngoài việc thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi còn phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm

trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do doanh nghiệp thực hiện;

2. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn do Nhà nước giao, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác (nếu có); quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho doanh nghiệp;

Sử dụng vốn và các nguồn lực do Nhà nước giao để thực hiện mục tiêu kinh doanh và những nhiệm vụ khác do Nhà nước giao.

3. Sử dụng vốn, kinh phí, nguồn lực do Nhà nước giao để cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ công ích cho các đối tượng theo khung giá hoặc phí quy định tại Điều 19 Nghị định này;

4. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhiệm vụ được Nhà nước giao và nhu cầu của thị trường. Kế hoạch hàng năm về hoạt động công ích phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

5. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý doanh nghiệp;

6. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, quốc phòng và an ninh quốc gia;

7. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo;

8. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan tài chính và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

9. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, về kế toán, hạch toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp của các hoạt động tài chính của doanh nghiệp;

10. Công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của doanh nghiệp;

11. Trong hoạt động kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

12. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động công ích có thực hiện hoạt động kinh doanh thì phải tổ chức hạch toán riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi ngoài việc thực hiện các quyền quy định tại Điều 18 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi còn có các quyền sau:

1. Đối với các hoạt động công ích:

a) Tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao;

b) Đổi mới công nghệ, trang thiết bị từ nguồn vốn do hoạt động kinh doanh mang lại;

c) Đặt chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng, áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm trong khuôn khổ các định mức, đơn giá của Nhà nước;

đ) Tuyển chọn, thuê mướn lao động theo thời vụ, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật; được quyền quyết định mức lương và thưởng cho người lao động trên cơ sở các đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm hoặc chi phí dịch vụ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;

e) Sử dụng các nguồn lực được giao để tổ chức hoạt động kinh doanh bổ sung theo quy định của pháp luật, nhưng không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chính là hoạt động công ích do Nhà nước giao cho doanh nghiệp;

g) Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần theo quy định của pháp luật khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2. Đối với các hoạt động kinh doanh:

a) Thực hiện các quyền quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này;

b) Kinh doanh những ngành nghề phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường; kinh doanh bổ sung những ngành nghề khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

c) Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều 17 và Điều 18 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Nghị định này, Bộ luật Dân sự, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi quy định tại khoản 3 Điều 9 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện quyền và nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện các quyền quy định tại khoản 2, 5, 7 và 8 Điều 18 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 11. Đối tượng được cấp kinh phí theo quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Điều 12. Đối tượng và phạm vi áp dụng việc cấp kinh phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được quy định cụ thể như sau:

1. Đối tượng được cấp kinh phí là doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước sử dụng máy bơm để thực hiện việc tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp;

2. Việc cấp kinh phí để bơm nước phòng, chống úng và cấp kinh phí bơm nước chống hạn vượt định mức chỉ áp dụng với các trạm bơm được xây dựng theo quy hoạch hoặc trạm bơm xây dựng bổ sung vận hành theo quy trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và trạm bơm di động nằm trong kế hoạch phòng, chống úng, hạn;

3. Kinh phí được cấp cho việc bơm nước chống úng chỉ nhằm chi trả tiền điện, xăng, dầu để chạy máy bơm chống úng;

Kinh phí được cấp cho việc bơm nước chống hạn chỉ nhằm trả tiền điện, xăng, dầu tiêu thụ vượt trội để chạy máy bơm chống hạn vượt định mức sử dụng để bơm nước tưới trong điều kiện bình thường.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xây dựng định mức điện, xăng, dầu để bơm nước chống hạn quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 13.

1. Hàng năm, đối tượng trong diện được cấp kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này phải lập kế hoạch cấp kinh phí phòng, chống úng, hạn nằm trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

2. Việc lập kế hoạch phòng, chống úng, hạn phải tính toán nhu cầu lắp đặt trạm bơm di động dự phòng và chỉ cho phép vận hành trong điều kiện khẩn cấp về úng ngập hoặc hạn hán vượt quá khả năng của công trình trạm bơm cố định và phải xác định rõ phạm vi, diện tích phục vụ, định mức sử dụng điện, xăng, dầu của mỗi trạm bơm.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổng hợp dự toán kinh phí phòng, chống úng, hạn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các Bộ, ngành liên quan;

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, bố trí kinh phí phòng, chống úng, hạn trong dự phòng ngân sách địa phương và ngân sách trung ương trình Chính phủ phê duyệt cùng dự toán ngân sách hàng năm;

5. Trường hợp có thiên tai xảy ra, nếu các chi phí về điện, xăng, dầu phòng, chống úng, hạn vượt quá mức bình thường hàng năm và tiền thủy lợi phí bị thất thu do các hộ dùng nước được miễn, giảm theo quy định, đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi được cấp bù từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh đối với đơn vị do địa phương quản lý; từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương đối với đơn vị do trung ương quản lý.

Trường hợp ngân sách địa phương sau khi bố trí lại ngân sách, sử dụng dự phòng, quỹ dự trữ tài chính vẫn không đủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ sung từ ngân sách trung ương.

Điều 14. Việc quản lý, vận hành các trạm bơm thuộc diện được cấp kinh phí theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Phấp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải bảo đảm:

1. Tuân theo quy trình vận hành hệ thống, quy trình vận hành từng công trình, tận dụng tối đa khả năng lấy nước chống hạn và tiêu úng bằng công trình tự chảy;
2. Thực hiện đầy đủ việc ghi sổ vận hành theo quy phạm kỹ thuật;
3. Trạm bơm phải lắp đặt đồng hồ đo, đếm điện phục vụ việc bơm nước chống úng, chống hạn tách biệt với các phụ tải phục vụ cho các mục đích khác;
4. Máy móc, thiết bị, công trình trạm và kênh, mương dẫn tháo nước phải được sửa chữa, bảo dưỡng tốt, sẵn sàng hoạt động với hiệu suất cao.

Điều 15. Quy trình xét cấp kinh phí cho việc phòng, chống úng, hạn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện như sau:

1. Căn cứ vào nhu cầu điện, xăng, dầu trong kế hoạch phòng, chống úng, hạn đã được phê duyệt, doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước lập dự trù xin cấp tạm ứng kinh phí từng mùa vụ sản xuất trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định này phê duyệt và được tạm ứng 30% dự toán kinh phí được duyệt, vào đầu mỗi vụ sản xuất;

2. Cuối mỗi vụ sản xuất, doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước phải lập báo cáo đánh giá tình hình bơm nước phòng, chống úng, hạn và phần điện, xăng, dầu đã tiêu thụ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định này phê duyệt làm căn cứ để thanh quyết toán toàn bộ kinh phí đã sử dụng.

Điều 16. Việc cấp kinh phí cho doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước phần thủy lợi phí bị thất thu do thiên tai gây mất mùa theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được quy định cụ thể như sau:

1. Trường hợp khi thiên tai xảy ra gây mất mùa, thiệt hại về năng suất, sản lượng cây trồng mà người dùng nước có yêu cầu miễn, giảm thủy lợi phí thì doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định này để thành lập Đoàn kiểm tra thực tế, có sự tham gia của đại diện chính quyền địa phương, đại diện người dùng nước, đại diện các ngành trồng trọt, thống kê, kế hoạch, tài chính;

Đoàn kiểm tra thực tế xem xét đánh giá xác định mức độ thiệt hại, lập biên bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định này xem xét ra quyết định cấp kinh phí cho trường hợp thủy lợi phí bị thất thu.

2. Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước lập hồ sơ xin cấp phần thủy lợi phí bị thất thu trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định này phê duyệt.

Thủy lợi phí được miễn, giảm theo các mức sau:

- a) Thiệt hại dưới 30% sản lượng thì giảm 50% thủy lợi phí;
- b) Thiệt hại từ 30% đến dưới 50% sản lượng thì giảm 70% thủy lợi phí;
- c) Thiệt hại từ 50% sản lượng trở lên thì miễn thủy lợi phí.

3. Kinh phí cấp cho trường hợp thủy lợi phí bị thất thu do thiên tai gây mất mùa được trích trong ngân sách phòng, chống thiên tai hàng năm quy định tại

khoản 5 Điều 13 Nghị định này để cấp cho doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước.

Điều 17. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí phòng, chống úng, hạn; kinh phí cấp cho trường hợp thủy lợi phí bị thất thu do thiên tai gây mất mùa được quy định như sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí đối với các doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi trực thuộc Bộ;

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí đối với các doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi trực thuộc tỉnh, huyện;

Trường hợp doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi phục vụ nhiều tỉnh nhưng không trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp quản lý doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi đó có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí theo đề nghị của Hội đồng quản lý hệ thống.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí đối với các tổ chức hợp tác dùng nước.

Điều 18. Việc cấp kinh phí để khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai phá hoại theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được quy định như sau:

1. Trường hợp thiên tai bất khả kháng gây hư hỏng công trình và hạng mục công trình của hệ thống thì doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước phải tiến hành kiểm tra khảo sát, xác định đầy đủ những hư hỏng, lập biên bản báo cáo, đồng thời phải lập dự án sửa chữa, khôi phục công trình theo trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản hiện hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

2. Việc cấp và sử dụng kinh phí khôi phục công trình bị thiên tai phá hoại được thực hiện theo trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản và các quy định khác của pháp luật.

Điều 19.

1. Khung mức thủy lợi phí, tiền nước quy định tại khoản 4 Điều 14 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được quy định cụ thể như sau:

a) Thủy lợi phí được thu bằng đồng Việt Nam.

Đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được miễn thủy lợi phí.

Đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì giảm từ 50% đến 70% mức thủy lợi phí.

Việc xác định các địa bàn trên được thực hiện theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 2 Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các trường hợp được miễn, giảm và bố trí ngân sách cấp cho các trường hợp trên.

b) Khung mức thủy lợi phí đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước trồng lúa, rau, màu, cây vụ đông, cây công nghiệp ngắn ngày:

- Khung mức thủy lợi phí đối với đất trồng lúa:

Đơn vị: 1.000 đồng/ha

TT	Vùng và biện pháp công trình	Lúa Đông Xuân	Lúa Hè - Thu	Lúa Mùa
I	Miền núi của cả nước			
	- Tưới tiêu bằng động lực	320 - 650		260 - 600
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	270 - 600		220 - 560
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	300 - 630		250 - 500
II	Đồng bằng sông Hồng			
	- Tưới tiêu bằng động lực	500 - 750		450 - 700
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	450 - 700		400 - 650
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	480 - 730		420 - 680
III	Trung du Bắc Bộ và Bắc khu IV			
	- Tưới tiêu bằng động lực	440 - 740	410 - 710	390 - 690
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	410 - 710	380 - 680	360 - 660
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	425 - 720	395 - 690	375 - 670
IV	Nam khu IV và Duyên hải miền Trung			
	- Tưới tiêu bằng động lực	400 - 710	430 - 740	390 - 650
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	370 - 680	400 - 710	300 - 600
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	385 - 690	415 - 720	325 - 620
V	Tây Nguyên			
	- Tưới tiêu bằng động lực	350 - 660		300 - 620
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	300 - 610		270 - 590
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	330 - 640		300 - 600
VI	Đông Nam Bộ			
	- Tưới tiêu bằng động lực	420 - 730	390 - 700	340 - 650
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	390 - 700	360 - 670	290 - 600
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	405 - 690	375 - 680	310 - 670

VII	Đồng bằng Cửu Long			
	- Tưới tiêu bằng động lực	500 - 750	470 - 720	400 - 690
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	350 - 700	300 - 650	300 - 600
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	400 - 720	350 - 680	320 - 630

Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì thu bằng 50% đến 70% mức trên.

Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu thì thu bằng 40% đến 60% mức trên.

Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới tiêu thì thu bằng 70% mức tưới tiêu bằng trọng lực ở vùng không chịu ảnh hưởng thủy triều.

- Đối với diện tích trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức thu thủy lợi phí tối thiểu thu bằng 30% đến 50% mức thu tưới lúa.

c) Khung mức thủy lợi phí áp dụng đối với việc sản xuất muối tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

d) Khung mức tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Thu theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh công
1	Cấp nước dùng sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp	đồng/m ³	500 á 1000	250 á 500
2	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi	đồng/m ³	300 á 800	250 á 500
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	350 á 500	250 á 450
4	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	200 á 500	150 á 350
		đồng/m ² mặt thoáng	100 á 800	
5	- Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi; - Nuôi cá bè.	% giá trị sản lượng	7% á 10%	
			8% á 10%	
6	Vận tải qua âu thuyền, cống của hệ thống thủy lợi: - Thuyền, sà lan - Các loại bè	đồng/tấn/lượt	2000 á 3000	
		đồng/m ² /lượt	500 á 1000	

7	Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8 á 12%
8	Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân gôn, Casino, nhà hàng)	Tổng giá trị doanh thu	10 á 15%

Trường hợp lấy nước theo khối lượng thì khung mức tiền nước được tính từ vị trí nhận nước của tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

2. Khung mức thủy lợi phí quy định tại khoản 1 Điều này, được tính ở vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước. Mức thủy lợi phí trong phạm vi phục vụ của tổ chức hợp tác dùng nước do tổ chức hợp tác dùng nước thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng nước theo khung mức quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khung mức thủy lợi phí, tiền nước quy định tại khoản 1 Điều này để quy định mức thu cụ thể phù hợp với thực tế của hệ thống công trình ở địa phương theo phân cấp tổ chức quản lý công trình; quy định khung mức thủy lợi phí, tiền nước trong phạm vi phục vụ của tổ chức hợp tác dùng nước.

4. Ở những nơi có đủ điều kiện thì thu thủy lợi phí, tiền nước theo mét khối nước sử dụng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp, thủ tục thu, nộp thủy lợi phí, tiền nước theo mét khối sử dụng.

Điều 20.

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

2. Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi.

3. Kinh phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi được lấy từ thủy lợi phí, tiền nước và nguồn ngân sách dự phòng để cấp cho phần thủy lợi phí bị thất thu do thiên tai gây mất mùa theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định này và phần thủy lợi phí, tiền nước được miễn, giảm đối với địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn và địa bàn có điều kiện đặc biệt khó khăn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

4. Hàng năm, ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bố trí một khoản ngân sách để hỗ trợ cho các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi trong trường hợp thu thủy lợi phí không đủ bù đắp chi phí sửa chữa, vận hành của các công trình thủy lợi.

5. Việc duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi được sử dụng lao động công ích theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ lao động công ích.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ, định mức chi cho việc duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi và bố trí kinh phí theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 21.

1. Phương thức thanh toán, thời gian thanh toán thủy lợi phí, tiền nước của tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được quy định cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước phải ký kết hợp đồng tưới, tiêu ngay từ đầu vụ sản xuất với tổ chức, cá nhân làm dịch vụ hoặc sử dụng nước và thu thủy lợi phí theo hợp đồng đã được ký kết với thời hạn muộn nhất một tháng sau vụ sản xuất;

b) Căn cứ vào mức thủy lợi phí được quy định tại Điều 19 Nghị định này và hợp đồng tưới, tiêu, ngay từ đầu vụ doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước lập kế hoạch thu thủy lợi phí trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định này phê duyệt;

c) Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập sổ thu thủy lợi phí, tiền nước cho từng tổ chức, cá nhân sử dụng nước để làm cơ sở cho việc ký kết hợp đồng dùng nước và thu, nộp thủy lợi phí, tiền nước theo quy định;

d) Các hộ sản xuất nông nghiệp được phục vụ tưới, tiêu nước phải trả thủy lợi phí cho doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước trong thời gian một tháng sau khi thu hoạch xong; nếu trả chậm, thì phải chịu lãi suất trả chậm theo lãi suất tiết kiệm không kỳ hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán cho doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước trên số tiền thủy lợi phí còn nợ;

đ) Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện việc thu, nộp đủ thủy lợi phí, tiền nước tại địa phương.

2. Thời gian thanh toán tiền điện giữa doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước với doanh nghiệp kinh doanh điện lực quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện theo định kỳ 6 tháng một lần.

Trường hợp trả chậm thì doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước phải chịu lãi suất trả chậm theo lãi suất tiết kiệm không kỳ hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán cho doanh nghiệp kinh doanh điện lực trên số tiền điện còn nợ.

Đối với tiền điện bơm tiêu úng, chống hạn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thì sẽ được thanh toán ngay sau khi ngân sách nhà nước cấp.

Chương 3:

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 22. Việc thay đổi tiêu chuẩn, quy mô, mục đích sử dụng của công trình thủy lợi đã có và việc xây dựng bổ sung công trình thủy lợi vào hệ thống công trình thủy lợi đã có theo quy định tại Điều 24 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, được quy định như sau:

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nào thì có thẩm quyền quyết định việc thay đổi tiêu chuẩn, quy mô,

mục đích sử dụng của công trình thủy lợi đó và phê duyệt việc xây dựng bổ sung công trình thủy lợi mới vào hệ thống công trình thủy lợi đã có;

2. Trường hợp đối với công trình thủy lợi từ cấp I trở lên không do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án đầu tư thì việc thay đổi tiêu chuẩn, quy mô, mục đích sử dụng của công trình thủy lợi đã có và việc xây dựng bổ sung công trình thủy lợi vào hệ thống công trình thủy lợi phải được sự thoả thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 23. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi quan trọng quốc gia theo quy định tại khoản 6 Điều 25 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là:

1. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi quan trọng quốc gia quy định tại Điều 4 Nghị định này được quy định kể từ chân đập chính trở ra là 500m;

2. Trong phạm vi nêu trên, vùng phụ cận được chia làm hai phần: phần không được xâm phạm kể từ chân đập chính trở ra là 150m; phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động không gây mất an toàn đập.

Điều 24. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, các hoạt động khác phải có giấy phép quy định tại khoản 3 Điều 26 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bao gồm:

1. Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất, thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản; khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng;

2. Trồng cây lâu năm;

3. Khai thác các hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ;

4. Các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới, trừ xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và xe cơ giới dùng cho người tàn tật;

5. Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện;

6. Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản;

7. Chôn, lấp phế thải, chất thải;

8. Nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây hại khác;

9. Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước.

Điều 25. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi quy định tại Điều 25 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Điều 23 Nghị định này, nhà và công trình xây dựng trước ngày ban hành Nghị định này đều phải được xem xét, xử lý theo quy định sau:

1. Nhà và công trình đã xây dựng trong phạm vi không được xâm phạm của vùng phụ cận và những công trình xâm phạm trực tiếp đến công trình thủy lợi, thì phải tháo dỡ, di chuyển đi nơi khác và phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi theo thiết kế;

2. Nhà và công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì tùy theo mức độ ảnh hưởng đến an toàn của công trình thủy lợi, mà phải tháo dỡ, di chuyển đi nơi khác hoặc xem xét cho tiếp tục sử dụng,

nhưng phải tuân theo yêu cầu về kỹ thuật và được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 26. Căn cứ vào Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện và xem xét, xử lý việc tháo dỡ, di chuyển hoặc cho tiếp tục sử dụng đối với nhà và công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ở địa phương; quy định việc phân cấp xử lý đối với các trường hợp trên và thực hiện chính sách đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định hiện hành.

Chương 4:

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 27. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bao gồm:

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

2. Thống nhất quản lý nhà nước về việc lập, thực hiện các dự án đầu tư bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi trong phạm vi cả nước;

3. Trình Chính phủ xét duyệt và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch và dự án đầu tư bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp những hệ thống công trình quan trọng liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương; xét duyệt hoặc đồng ý bằng văn bản đề Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét duyệt dự án đầu tư bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp những hệ thống công trình đã được phân cấp theo quy định hiện hành về xây dựng cơ bản;

4. Xây dựng và trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

5. Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc phạm vi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý; quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp xử lý trong trường hợp công trình thủy lợi có nguy cơ xảy ra sự cố; chỉ đạo việc điều hòa, phân phối nguồn nước của công trình thủy lợi trong trường hợp xảy ra hạn hán, trong đó ưu tiên nước cho sinh hoạt; tổng hợp kế hoạch phòng, chống úng, hạn trong cả nước;

6. Cấp, thu hồi giấy phép hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thu hồi Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi và các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

7. Tổ chức công tác thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

8. Tổng hợp và đề xuất trình Chính phủ xử lý các vấn đề trong quan hệ quốc tế về lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

9. Đề xuất, trình Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; tổ chức

việc nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đào tạo cán bộ và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

10. Thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

1. Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng hoặc tổ chức việc xây dựng quy trình vận hành công trình thủy điện, bảo đảm khai thác tổng hợp có hiệu quả và an toàn công trình thủy lợi;

2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới giao thông thủy trong hệ thống công trình thủy lợi hoặc lợi dụng tổng hợp công trình thủy lợi đã có vào mục đích giao thông, bảo đảm phù hợp với quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi, an toàn cho công trình và không gây cản trở dòng chảy;

3. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống cấp thoát nước cho đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp nằm trong hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và không gây ô nhiễm môi trường nước;

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc lập phương án sử dụng tài nguyên đất; phương án khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước;

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp kế hoạch đầu tư cho các dự án về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

6. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan bố trí kinh phí phòng, chống úng, hạn; xây dựng các chính sách về tài chính trong quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và khắc phục hậu quả khi công trình thủy lợi xảy ra sự cố;

7. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và lực lượng vũ trang nhân dân phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo việc ngăn chặn các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi và khắc phục hậu quả khi công trình thủy lợi xảy ra sự cố.

Điều 29. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bao gồm:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong địa phương;

2. Chỉ đạo việc lập kế hoạch phòng, chống úng, hạn trong địa phương;

3. Lập, trình duyệt, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi ở địa phương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

4. Hướng dẫn thi hành các quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương;

5. Cấp, thu hồi Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi và các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

6. Quyết định theo thẩm quyền các biện pháp xử lý trong trường hợp công trình thủy lợi có nguy cơ xảy ra sự cố theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật; thực hiện việc điều hoà, phân phối nguồn nước của công trình thủy lợi trong trường hợp xảy ra hạn hán, ưu tiên nước cho sinh hoạt; tổng hợp kế hoạch phòng, chống úng, hạn trong địa phương; phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

7. Tổ chức công tác thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; giải quyết hoặc tham gia giải quyết các tranh chấp về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định khác của pháp luật; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương;

8. Thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

9. Thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 5:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Nghị định này thay thế Nghị định số 98/CP ngày 27 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về việc quy định thi hành Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Nghị định số 112-HĐBT ngày 25 tháng 8 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc thu thủy lợi phí.

Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 31. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng các Bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 32. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Phan Văn Khải

(Đã ký)